

TỪ NGHIÊN CỨU CẤU TRÚC ĐẾN QUẢN LÝ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

PGS.TS. NGUYỄN CHÍ BẾN*

Trên lát cắt đương đại, theo thống kê của Cục Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), đến năm 2008, cả nước có 7.966 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội dân gian; 544 lễ hội tôn giáo; 332 lễ hội lịch sử cách mạng; 10 lễ hội được du nhập từ nước ngoài; 40 lễ hội khác. Dựa vào công trình thống kê này, chúng tôi xác định, trong số 7039 lễ hội dân gian của 54 tộc người ở Việt Nam, có 4.751 lễ hội của người Việt.

Lâu nay, khi đề cập đến các lễ hội truyền thống, không ít người nói như một thói quen: lễ hội gồm 2 phần: phần lễ và phần hội, rồi đi tới một cách nghĩ, để làm cho lễ hội phù hợp với cuộc sống đương đại, chỉ cần giảm phần lễ, tăng phần hội, bảo tồn phần hội mà gạt bỏ phần lễ... là hạn chế được những tiêu cực của lễ hội truyền thống. Có thể thấy rằng, quan niệm ấy có phần hơi đơn giản, vấn đề cần đặt ra là phải tiếp cận cấu trúc của nó, để xác lập một quan niệm về quản lý lễ hội truyền thống cho phù hợp.

1. Từ việc nghiên cứu cấu trúc lễ hội truyền thống của người Việt

Lễ hội truyền thống là sinh hoạt của cộng đồng làng xã, diễn ra trong một khoảng thời gian và trong một không gian đã được xác định một cách hữu thức, là "thời điểm mạnh trong đời sống của cộng đồng"¹. Nhưng lễ hội cũng là một thực thể có cấu trúc khá chặt chẽ. Giải thích từ cấu trúc, *Từ điển tiếng Việt* ghi rằng: cấu trúc là một "Hệ thống những hiện tượng có liên quan khăng khít với nhau tới mức mỗi hiện tượng chỉ giữ được bản chất của

minh là vì có mặt và tồn tại ở trong mối liên quan với toàn thể"².

1.1. Các công trình nghiên cứu cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt

Không phải bây giờ giới nghiên cứu văn hóa dân gian mới đặt vấn đề ứng dụng lý thuyết cấu trúc để nghiên cứu lễ hội truyền thống. Công trình khoa học sáng giá nghiên cứu lễ hội theo lý thuyết cấu trúc phải chăng là công trình *Những lễ hội nông nghiệp Nga của V.Ia.Propp*³. Có thể nói, đây là một mẫu mực cho việc ứng dụng lý thuyết cấu trúc để nghiên cứu lễ hội truyền thống.

Năm 1992, trong công trình *Lễ hội cổ truyền*, do PGS. Lê Trung Vũ chủ biên⁴, TS. Lê Văn Kỳ đã trình bày về *Cơ cấu và việc tổ chức lễ hội*. Phải ghi nhận rằng, tác giả Lê Văn Kỳ là người đầu tiên ở Việt Nam đề cập đến cơ cấu, chứ không phải cấu trúc của lễ hội truyền thống, nhưng cũng bởi ông là người đầu tiên, nên ông chỉ trình bày lễ hội gồm những gì, mà chưa nhìn nhận vấn đề cấu trúc của lễ hội truyền thống.

Năm 2000, Bùi Văn Thành bảo vệ luận án tiến sĩ sử học, với đề tài *Lễ hội của người Việt ở Hà Bắc*⁵, có dành Chương 3 để đề cập tới các thành tố của lễ hội truyền thống của người Việt ở Hà Bắc, nhưng đáng tiếc là, quan niệm về thành tố của tác giả hơi rộng, nên tác giả đưa cả những thành tố mà xét cho cùng, đó không phải là thành tố trong một cấu trúc của lễ hội truyền thống.

Người đầu tiên nhìn nhận vấn đề cấu trúc của lễ hội đương đại trong mối quan hệ với lễ hội truyền thống là tác giả Đoàn Minh Châu. Công trình của ông, vốn là một luận án tiến sĩ, chuyên ngành

* Viện trưởng Viện Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam

lịch sử văn hóa và nghệ thuật, mã số 50313, khoa học lịch sử, bảo vệ năm 2002 tại Viện Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam, năm 2010. Luận án này được in thành sách với nhan đề *Cấu trúc lễ hội đương đại*. Điểm đáng quý của công trình này, như lời giới thiệu cuốn sách, tôi đã khẳng định⁶, nhưng mục tiêu nghiên cứu của ông là cấu trúc của lễ hội đương đại, cấu trúc lễ hội truyền thống với ông chỉ là đối tượng để so sánh.

Năm 2005, PGS.TS. Đặng Văn Lung, trong công trình *Lễ hội và nhân sinh*⁷, đã dành quyển sáu - *Lễ hội- chức năng và cấu trúc*⁸ cho vấn đề cấu trúc của lễ hội. Tuy nhiên, với quan niệm hành động: hội là "đơn vị nhỏ nhất có mang một nghĩa"⁹ thì vấn đề tác giả trình bày lại không là một thành tố của một cấu trúc nữa.

Như vậy, cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt lại chưa có những công trình khoa học giải quyết vấn đề một cách cặn kẽ, triệt để.

1.2. Thử phác họa cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt

Thực ra, cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt không chỉ có hai bộ phận là lễ và hội, mà gồm nhiều thành tố hợp thành các bộ phận. Tôi nghĩ rằng, cấu trúc của lễ hội cổ truyền của người Việt gồm ba bộ phận tạo thành:

- Nhân vật phụng thờ.
- Các thành tố hiện hữu.
- Các thành tố tàng ẩn nhưng hiện hữu trong thời gian thiêng.

1.2.1. Nhân vật phụng thờ

Nhân vật phụng thờ là thành tố quan trọng bậc nhất trong cấu trúc của một lễ hội truyền thống của người Việt, quyết định sự tồn tại của các thành tố và diện mạo cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt. Nhân vật phụng thờ tồn tại tàng ẩn trong ký ức, trong tiềm thức của các thế hệ con người, trong huyền thoại, nhưng lại hiện hữu trong thần tích lưu giữ ở di tích từ đời này qua đời khác, đa phần bằng chữ Hán. Tùy theo nguồn gốc xuất thân và các tiêu chí phân loại khác nhau, chúng ta sẽ có các cách phân loại nhân vật phụng thờ trong lễ hội truyền thống khác nhau.

1.2.2. Các thành tố hiện hữu

Liên quan đến nhân vật phụng thờ là các thành tố hiện hữu sau:

- Nơi sinh/nơi hóa (thường là nghề/miếu).
- Di tích (đình, đền, miếu, chùa, lăng...).
- Tượng thờ.

- Sắc phong
- Câu đối
- Hoành phi
- Bát bửu...

Các thành tố này của lễ hội truyền thống là hiện hữu, là vật thể tồn tại trong một không gian vật chất hữu hình, mà ngày nay, theo quan niệm của UNESCO và *Luật di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* là di sản văn hóa vật thể.

1.2.3. Các thành tố tàng ẩn nhưng hiện hữu trong thời gian thiêng

Khác với các thành tố hiện hữu, "trơ gan cùng tuế nguyệt", lễ hội truyền thống có những thành tố không hiện hữu trong thời gian bình thường, trong thường ngày, mà chúng chỉ trở nên hiện hữu một cách sống động trong thời gian thiêng, trong ngày lễ hội. Đó là các thành tố sau:

- Huyền thoại về nhân vật phụng thờ.
- Trò diễn.
- Trò chơi.
- Nghi lễ/nghi thức thờ cúng.
- Lễ vật.
- Văn tế.
- Các kiêng kỵ

Các thành tố này gắn kết với nhau trong một sợi dây xuyên suốt: niềm tin tưởng, sự biết ơn vị thần của làng. Chẳng hạn, huyền thoại về nhân vật phụng thờ. Nó được lưu hành trong dân gian, từ đời này qua đời khác, được "văn bản hóa" thành sắc phong, thần tích, lưu giữ ở không gian thờ cúng, hiện lên vừa thực trong lòng văn của văn tế mà ông chánh bái đọc trong lễ hội, vừa ảo trong tâm trí người đi dự hội. Huyền thoại này vừa hiện hữu trong con mắt người dân các thế hệ, nhưng cũng tàng ẩn trong tâm thức người dân các thế hệ, chúng chỉ trở nên hiện hữu trong ngày lễ hội một cách bất chợt, lung linh và huyền ảo. Huyền thoại về nhân vật phụng thờ là sự hòa hợp giữa truyền thuyết lưu hành trong dân gian và ghi chép của các nhà Nho qua các thời kỳ khác nhau; từ thế kỷ XV cho đến trước năm 1938.

1.2.4. Quan hệ giữa các thành tố

Giữa ba thành tố: nhân vật phụng thờ, các thành tố hiện hữu và các thành tố tàng ẩn nhưng hiện hữu vào thời gian thiêng có quan hệ tương tác, chi phối lẫn nhau. Sự tồn tại của thành tố này chi phối sự tồn tại của thành tố kia và ngược lại.

Thứ nhất: nhân vật phụng thờ. Nhận xét của

Phan Kế Bính là chuẩn xác khi nói về tín ngưỡng thờ Thành hoàng: "Miếu là chỗ quỷ thần bằng y, đình là nơi thờ vọng"¹⁰ là chuẩn xác với một loại nhân vật phụng thờ: Thành hoàng làng và các phúc thần, nhưng cũng đúng với các nhân vật phụng thờ khác. Mặt khác, huyền thoại về nhân vật phụng thờ còn chi phối kiến trúc và điện thần của không gian thờ cúng. Huyền thoại về nhân vật phụng thờ quy định điện thần của không gian hiện hữu, quy định trò diễn của không gian tàng ẩn. Sắc phong cho nhân vật phụng thờ quy định nội dung của bài văn tế.

Thứ hai: hệ thống các thành tố hiện hữu. Các thành tố này tạo ra một không gian thiêng. Đây là không gian tồn tại gắn bó với huyền thoại về nhân vật thờ cúng. Tùy theo nhân vật phụng thờ mà không gian này hẹp hay rộng. Hàng ngày, với người dân trong làng xã, không gian này có vẻ như "êm đềm, lặng im", nhưng đến ngày lễ hội, tất cả như bừng tỉnh, sinh động và hoành tráng.

Thứ ba: hệ thống các thành tố tàng ẩn nhưng hiện hữu trong thời gian thiêng. Không gian này không tồn tại như một thực thể vật chất trong thường ngày, mà tồn tại trong tâm thức người dân trong làng xã, được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Nó chỉ xuất hiện trong một thời gian nhất định: ngày lễ hội khai mở một cách bất thần, dâng trào và thiêng liêng.

Như vậy, sự tồn tại của cấu trúc lễ hội truyền thống vừa hiện hữu trong thời gian và không gian, vừa tàng ẩn trong tâm thức con người nhưng lại hiện hữu trong thời gian thiêng. Huyền thoại về các nhân vật phụng thờ tồn tại trong tâm thức con người trong làng xã, từ đời này qua đời khác qua lời kể của dân làng, nói khác đi tý chút là, nó tàng ẩn, nhưng lại hiện hữu trong không gian thờ cúng với sắc phong, thần tích. Không gian thờ cúng nhân vật phụng thờ có thể là ngôi đình, có thể là ngôi chùa, hoặc ngôi đền, hoặc một lăng cá ông... Không gian này hiện hữu trong mắt mọi người dân trong làng xã, như một thiết chế vô cùng thân thiết, như một biểu tượng cho thể diện của dân làng.

Tóm lại, cấu trúc của lễ hội truyền thống của người Việt là một hệ thống gồm ba bộ phận: nhân vật phụng thờ, không gian hiện hữu và không gian tàng ẩn nhưng hiện hữu trong ngày thiêng. Mỗi bộ phận ấy lại gồm nhiều thành tố khác nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau, mỗi thành tố chỉ có giá trị khi tồn tại trong hệ thống này, nhưng là một cấu trúc mở, có thể thêm vào

những thành tố mới, miễn sao chúng có giá trị, ý nghĩa khi tồn tại trong hệ thống này.

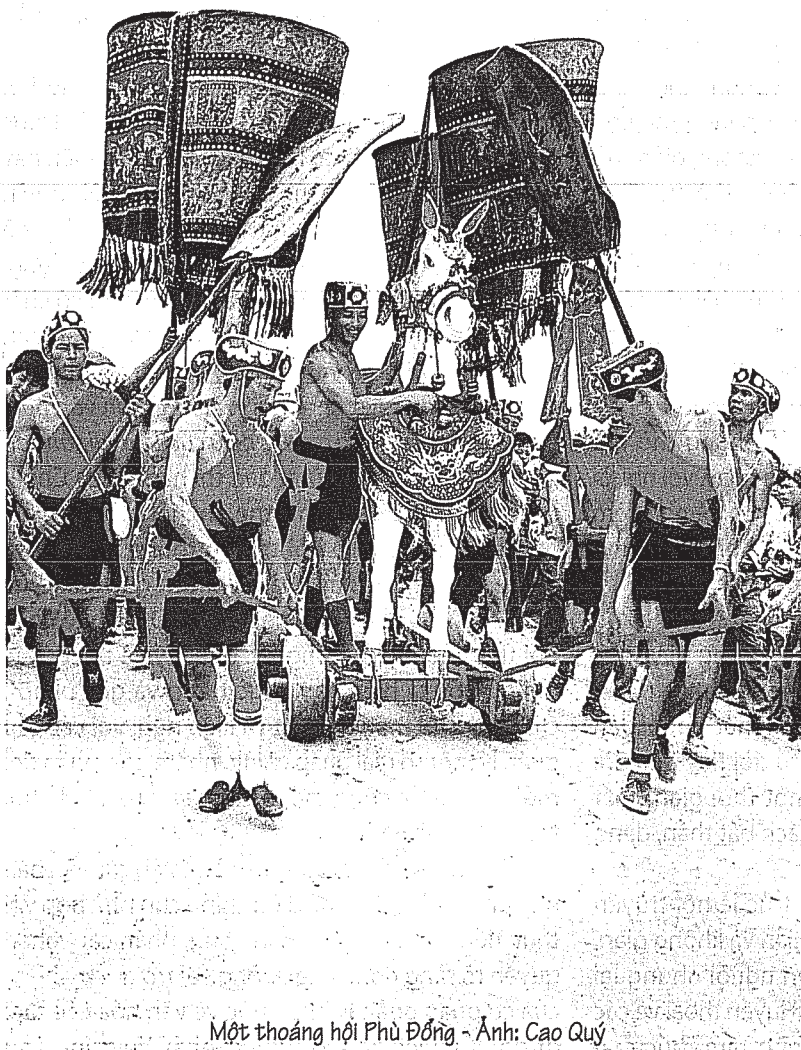
2. Đến việc quản lý lễ hội truyền thống của người Việt

Phải ghi nhận rằng, công tác quản lý lễ hội truyền thống của ngành Văn hóa - Thông tin trước đây và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện nay đã đạt được nhiều thành tựu. Nhiều lễ hội truyền thống được bảo vệ và phát huy, một số lễ hội đã từng mai một theo thời gian đã được phục dựng, môi trường của lễ hội mỗi ngày thêm giàu có chất văn hóa. Từ năm 1954 đến nay, hệ thống văn bản quản lý lễ hội ngày một nhiều, tính pháp quy của văn bản càng chặt chẽ hơn¹¹. *Luật di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* và "Nghị định hướng dẫn thi hành" của Chính phủ đều đề cập đến lễ hội truyền thống. Tuy nhiên, tình hình quản lý lễ hội truyền thống vẫn đặt ra nhiều vấn đề bức xúc, thậm chí còn gay gắt. Giữa năm 2010, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hội thảo/hội nghị "Công tác quản lý và tổ chức lễ hội ở nước ta hiện nay, thực trạng và giải pháp". Qua đó, "Hội thảo đề xuất và kiến nghị với các cấp quản lý một số giải pháp chính, nhằm góp phần đổi mới một bước công tác tổ chức và quản lý lễ hội trong thời gian tới:

Một là, cần sớm bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, theo hướng phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng hơn; tăng cường vai trò trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa các cấp; đi đôi với việc không ngừng phát huy tính chủ động, sáng tạo của cộng đồng - chủ thể văn hóa của lễ hội.

Hai là, nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức và quản lý lễ hội của các cấp chính quyền, cán bộ quản lý văn hóa các cấp và cộng đồng thông qua các hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng và hiệu quả hơn"¹².

Trong các nguyên nhân, phải thẳng thắn thừa nhận, văn bản quản lý của chúng ta chưa phù hợp với đối tượng quản lý. Nhiều vấn đề về lễ hội truyền thống chưa được quán triệt vào các văn bản quản lý, trong đó có vấn đề xác lập cấu trúc của lễ hội truyền thống, các thành tố của nó lẫn quan hệ giữa các thành tố. Ví dụ, *Quy chế lễ hội* do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành theo quyết định ngày 6/2/1998 ghi: "Điều 11: Được tổ chức tế lễ và rước kiệu theo lễ nghi truyền thống trong khuôn viên di



Một thoáng hội Phù Đổng - Ảnh: Cao Quý

tích, nơi thờ tự... Các tuần tế và rước không kéo dài"¹³. Khi ngắm kỹ, chúng ta sẽ thấy, quy định này hình như không phù hợp về mặt quan hệ giữa các thành tố của một lễ hội truyền thống.

Đáng kể nhất là, quan niệm về lễ hội truyền thống hiện nay không có sự thống nhất giữa *Luật di sản văn hóa (2001/2009)*, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật và Pháp lệnh*. Trong khi *Luật di sản văn hóa (2001/2009)* và *các Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002*, *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010*, đối tượng quản lý này được gọi là: "Lễ hội truyền thống", thì *Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 1/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, đối tượng quản lý này được xác định: "Lễ hội tín ngưỡng" và *Nghị định số*

103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng lại gọi đối tượng quản lý là "Lễ hội dân gian", bởi theo bản Quy chế này, lễ hội có 4 loại: lễ hội dân gian, lễ hội lịch sử, cách mạng, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch và lễ hội có nguồn gốc nước ngoài tổ chức tại Việt Nam. Như thế, cùng một đối tượng, nhưng có ba tên gọi khác nhau trong văn bản pháp quy: Lễ hội truyền thống, lễ hội tín ngưỡng, lễ hội dân gian. Sự khác nhau về thuật ngữ chỉ cùng một đối tượng quản lý trong các văn bản luật, pháp lệnh và nghị định chứng tỏ rằng, thuật ngữ ấy chưa phù hợp với đối tượng quản lý. Thứ nhất, lễ hội dân gian là lễ hội tồn tại trong dân (như nghĩa đen của từ dân gian); thứ hai, "lễ hội truyền thống" là lễ hội được truyền lại từ các thế hệ trước cho thế hệ hôm nay, là phạm trù đi cùng với phạm trù "lễ hội đương đại"; thứ ba, lễ hội tín ngưỡng lại

càng khó hiểu?! Cả ba thuật ngữ này, khó có thể coi là đồng dạng. Ở một phương diện khác, tôi nghĩ rằng, cần có sự phân loại và dùng chuẩn xác thuật ngữ với các sinh hoạt văn hóa sau:

- Lễ hội truyền thống (hay cổ truyền tùy cách gọi của từng người).

- Các lễ mít-tinh

- Các liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch.

Lễ hội truyền thống khác các lễ mít-tinh, dù các lễ mít-tinh hiện nay đưa vào khá nhiều các trình diễn nghệ thuật để minh họa, bởi lễ hội truyền thống có một sợi chỉ đỏ là niềm tin tín ngưỡng vào nhân vật mà cộng đồng thờ phụng. Và, các liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch thì không nằm trong phạm trù lễ hội, mà nên gọi là festival với nghĩa liên hoan (dù trong tiếng Anh, từ festival có

nghĩa là lễ hội) như festival Huế, festival biển-Khánh Hòa, festival chè Thái Nguyên..., bởi các liên hoan này không dựa trên một niềm tin tín ngưỡng, không gắn với một nhân vật phụng thờ nào cả, có kịch bản và đạo diễn hẳn hoi!

Vì thế, tôi nghĩ rằng, đã đến lúc phải dựa vào đặc trưng của đối tượng quản lý để xác lập các văn bản quản lý. Vấn đề đặt ra là nhận thức về cấu trúc của lễ hội phải được quán triệt trong các văn bản pháp quy về lễ hội. Ở đây có nhiều vấn đề đặt ra, ít nhất, tôi nghĩ có các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, vấn đề quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của lễ hội truyền thống. Có những yếu tố có vẻ vô cùng quan trọng khi quản lý lễ hội truyền thống nhưng lại không là thành tố của lễ hội truyền thống, ví dụ: vấn đề tổ chức sao cho người đến lễ hội không bị chen lấn, xô đẩy, vấn đề vệ sinh ăn uống, giữ xe ở khu vực tổ chức lễ hội, vấn đề quản lý tiền công đức ở khuôn viên di tích... Bởi lẽ, đó là các yếu tố nằm ngoài nội hàm của lễ hội truyền thống, thuộc về công tác quản lý xã hội của cơ quan chính quyền và cộng đồng. Nói cách khác, đó là những thành tố nằm ở ngoại diên của lễ hội truyền thống. Đương nhiên, chúng tôi hiểu rằng, các vấn đề ngoại diên này cũng rất quan trọng trong công tác tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống.

Thứ hai, niềm tin tín ngưỡng là cơ sở để xuất hiện nhân vật phụng thờ, thành tố đặc biệt quan trọng để hình thành và phát triển lễ hội truyền thống mà tín ngưỡng lại không thể quản lý bằng tư duy duy lý, cứng nhắc. Bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống, đương nhiên không thể loại bỏ, hay cấm đoán tín ngưỡng, vì nó tồn tại hữu cơ trong lễ hội truyền thống, bởi cả *Hiến pháp năm 1992* lẫn *Pháp lệnh tín ngưỡng - tôn giáo* đều tôn trọng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của người dân.

Thứ ba, lễ hội truyền thống là một hệ thống có

một cấu trúc khá đặc biệt, vừa chặt chẽ, vừa mở, để có thể thay đổi yếu tố nào đó trong cấu trúc của nó. Các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống không thể suy tính theo kiểu "giảm phần lễ, tăng phần hội" được. Ứng xử với một vài nghi lễ của lễ hội truyền thống có phần hơi nhạy cảm theo góc nhìn của nhà quản lý văn hóa, cũng nên nhìn nhận quan hệ của thành tố ấy với các thành tố khác trong cấu trúc chặt chẽ của nó, tránh tùy tiện.

Tựu chung lại, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hóa đặc biệt, có sức sống từ ngàn đời nay, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội. Đó là một thực thể có cấu trúc riêng, các thành tố tồn tại chi phối và ảnh hưởng lẫn nhau. Tổ chức, quản lý lễ hội truyền thống, phải chăng cần bám sát đặc trưng của chính lễ hội truyền thống.

N.C.B

Chú thích:

- 1- Đinh Gia Khánh, *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian* (1989), Nxb. Khoa học xã hội, H, tr. 171.
- 2- *Từ điển tiếng Việt* (2005), nhóm biên soạn Nguyễn Ngọc Bích, Trần Thu Hằng, Chu Anh Tuấn, Quang Ủy, Quang Minh, Nxb. Từ điển Bách Khoa, H, tr. 131.
- 3- Bản tiếng Việt của Nguyễn Quang Lê, Nguyễn Thị Kim Loan, in trong *Tuyển tập V.Ia.Propp*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, 2004, tập 2, từ tr. 11 đến tr. 264.
- 4- Nxb. Khoa học xã hội, H, 1992, từ tr. 67 đến tr. 98.
- 5- Bản thảo lưu trữ tại Viện Dân tộc học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 262 trang A4.
- 6- Xin xem Lời giới thiệu sách *Cấu trúc lễ hội đương đại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H, 2010, tr. 5 - 6.
- 7- Nxb. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
- 8- Đặng Văn Lung, *Sđđ*, từ trang 927- 1001.
- 9- Đặng Văn Lung, *Sđđ*, tr. 941.
- 10- *Việt Nam phong tục*, tái bản, Nxb. tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 76.
- 11- Xin xem Bùi Hoài Sơn, *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H, 2009, từ tr. 222 đến tr. 332.
- 12- Báo cáo của Thanh tra Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Hội thảo "Công tác quản lý và tổ chức lễ hội ở nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp" ngày 4/6/2010.
- 13- Chuyển dẫn từ Bùi Hoài Sơn, *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, *Sđđ*, tr. 311.

Nguyễn Chí Bền: From Doing Research on Structure to the Management of Traditional Festivals of Viet People

Traditional festivals are a special cultural activity with rich historical, cultural and social values and a long history. This is an entity with a specific structure in which different elements have their mutual effects. Through analysing the structure of traditional festivals, the author expresses the necessary to do research on characteristics of management subject to identify management documents as well as to organise and manage these traditional festivals.